

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 93/2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 09 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 654/TTr-STC ngày 31/8/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước (gọi tắt là Nhà đầu tư);

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Điều 2. Mức thu

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được thực hiện theo quy định tại

điểm a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = Tỷ lệ phần trăm (%) (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa.

Trong đó:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) xác định số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, được tính bằng 100% trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền;

c) Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do UBND tỉnh ban hành.

Điều 3. Lập dự toán, chấp hành, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

a) Lập bản kê khai số tiền phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê và nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định;

b) Nhà đầu tư phải thực hiện nộp đủ khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn xây dựng các phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng;

b) Hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất chuyên trồng lúa nước;

b) Căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có văn bản xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được chuyển thành đất phi nông nghiệp gửi Cục Thuế tỉnh để xác định và thu tiền bảo

vệ, phát triển đất trồng lúa.

c) Hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh.

4. Cục Thuế tỉnh

Căn cứ hồ sơ và thông tin địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến để xác định và thu nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách tỉnh theo quy định.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn việc nộp, quản lý kinh phí theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách báo cáo UBND tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh phân bổ, sử dụng nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định. Hàng năm, tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng kinh phí quản lý, bảo vệ đất trồng lúa theo quy định.

6. UBND các huyện, thành phố

a) Hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất trồng lúa bị mất do chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

b) Xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất chuyên trồng lúa nước theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

7. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan: Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Thời điểm áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2016.

Quyết định này có hiệu thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2016./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Xuân Phong